

PHẠM VŨNG KINH CỔ TÍCH KÝ

QUYỂN HẠ (Phần cuối)

Kinh chép: Từ Phật dạy. Nay các Bồ-tát! Cho đến bốn mươi tám giới kinh này sẽ nói.

Giải thích: Dưới đây chỉ tụng giới kinh, trong đó có ba. Đầu tiên là trước kết sau sinh; kế là lần lượt tụng ra, sau cùng kết khuyển vãng hành. Phần đầu nói các giới kinh này tùy theo ý thích của mình. Có phạm, không phạm, là nhiễm hay không nhiễm, phẩm trung thượng phải biết rõ. Như Bồ-tát địa tự trung là nhiễm phạm, nghĩa là ý thích điều ác là không đúng. Nếu có tướng phiền não phải gọi là bất nhiễm phạm ba phẩm như tùy tâm cảnh, v.v khác nhau. Như phẩm sáu mươi tám chép: Do sáu phần khác nhau nêu chỗ phạm thành trọng, một là giáo chế là nặng, hai là sự trọng, ba là số phạm, bốn là phiền não mạnh mẽ, năm là trí lực kém, sáu là mau sám hối, như các giới này mỗi giới đều đủ nghĩa ba nhóm giới, tùy nội dung quan trọng mà khai hợp các giáo bất định.

1. Giới thứ nhất không kính thầy bạn .

Kinh chép: Nếu Phật tử, lúc sắp lên ngôi vua, cho đến nếu không như vậy thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Từ bài tụng riêng ở dưới, mười giới đầu có bốn môn, hai môn đầu là môn hộ tâm niệm của mình, đối với kiêu mạn, buông lung ngăn cấm khinh mạn, đối với buông lung dứt lỗi rườy. Ba môn kế là hộ tâm hạnh của người, ba môn kế nữa là kính tu pháp Phật, hai môn sau đều là cứu giúp chúng sinh. Lên ngôi vua, trước thọ giới là: truyện chép có hai, có thuyết nói: Bồ-tát tuy đã có giới, bấy giờ lại thọ nữa là vì điều tâm, nói đủ các duyên tuy dẫn vô biểu, vì loại giới trước nên nói không được mới như đối pháp nói, đã dựa theo niết bàn trước khởi gốc lành thì không còn khởi mới, huống chi người kia lúc sau không huân xông hạt giống sống. Ở đây cũng nên như vậy. Nếu không có giới sao

gọi là Phật tử, phạm tội nhẹ gì? Có thuyết cho rằng: khuôn phép của giới biệt giải thoát, như giới của Tỳ-kheo không có pháp thọ lại. Dù cho thọ lại cũng chỉ thêm giới cũ, do đây Bồ-tát đã nhập vào Sơ địa rồi thì xả giới hữu lậu, thọ giới vô lậu, vì muốn nuôi lớn đức thành Phật, vì trước đã có giới, Thất đạo không đặc giới, khác với Thanh Văn vì trước không có giới nên thất đạo đặc giới. Luận Du-già chép: Thọ lại không đặc giới mới, khác với pháp khác huân xông hạt giống lại, vì người kia không làm ra pháp chế phép tắc, tuy chưa thọ giới, hạt giống Phật cũng không mất vì đã phát nguyện Vô thượng Bồ-đề. Phạm tội nhẹ là kết sinh kiêu mạn, không cần thọ lại cũng không phạm, hoặc có điều tâm rồi nên không cần. Nói Thượng Toạ là bậc Thượng thủ trong chúng. Hoà-thượng là Thân giáo sư, là Hoà-thượng truyền giới. A-Xà-lê, tức là Quỹ Phạm sư, là thầy truyền giới, Yết-ma oai nghi, giáo thọ, thọ nghiệp, v.v.. Đồng học, đồng kiến, đồng hạnh như thứ lớp đồng thầy, đồng tông, đồng thừa. Nói bảy chất báu là của quý trọng còn có thể bố thí, hưởng chi của tầm thường khác là ý ở đây. Nói nếu không như vậy nghĩa là cung kính cúng dường không đúng pháp,. Luân Du-già chép : Tâm kiêu mạn, hiềm hận, sân nhuế, là nhiễm phạm. Biếng nhác vọng niệm là phạm phi nhiễm. Không trái phạm là: hoặc bệnh, hoặc cuồng, hoặc ngủ, hoặc tự nói pháp, hoặc nói với người, hoặc tự nghe pháp, hoặc muốn dùng tâm che chở người nói pháp, hoặc dùng tâm che chở nhiều hữu tình, hoặc điều phục, hoặc giữ gìn Tăng chế, đều không phạm.

2. Giới không được uống rượu

Kinh chép: Nếu Phật tử cố uống rượu cho đến bảo người uống rượu thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Rượu là gốc mê loạn, sinh ra nhiều tội lỗi, xưa có thể lực hàng phục rồng mà nay không khống chế được một con cua, cho đến bốn tội nghịch đều từ uống rượu mà ra, chỉ trừ tội phá tăng, nên ở đây cấm. Nói vô lượng tội lỗi là do say rượu sinh ra lầm lỗi mà phạm tội. Như Câu-xá chép: Trị bệnh hạn lượng không có tướng của tánh tội, nên biết già tội, trì luật thì nói là tánh tội. Ô-Ba-Li hỏi rằng : Con phải làm sao để cúng dường người bệnh? Đức Thế Tôn dạy: Trừ tánh tội, ngoài ra đều có thể cung cấp, nhưng bị bệnh truyền nhiễm, Thích chủng cần rượu, Đức Thế Tôn không cho phép người kia uống rượu. Lại kinh nói sinh Thánh thì cũng không phạm. Các sư Đối pháp Giải thích chẳng phải tánh tội, nhưng vì người bệnh khai chung giá giới. Về sau, vào lúc khác cấm uống rượu, là ngăn ngừa do chất rượu này mà phạm tánh tội.

Lại nữa, tất cả bậc Thánh không uống rượu là vì các bậc Thánh có tâm hổ thẹn, vì uống rượu làm cho mất chánh niệm. Cho đến một chút cũng không uống là vì giống như lượng thuốc độc bất định. Nói năm trăm đời không tay là vì lỗi ác tâm cực tăng thượng, chẳng có tâm lành, v.v. Nếu bố thí tâm lành, luận Du-già cho phép nhiếp độ thí. Như Mười Trụ chép: Bồ-tát tại gia bố thí rượu không có tội, nên nghĩ rằng: Pháp thí độ đều mãn nguyện cho người, sau mới phương tiện giáo hoá họ bỏ uống rượu. Nói không được bảo người uống, cho đến uống là tự mình uống rượu, là trước cầm bình rượu đưa cho người còn bị lỗi, hướng chi tự mình uống. Đây là phần thứ hai là bảo người uống, hướng là tự mình uống. Nếu cố tự mình uống, bảo người uống là là đều kiết phạm. Nhưng kinh Văn-thù Vấn chép: Không được uống rượu, nếu thầy thuốc nói nhiều loại thuốc, hoà ít rượu nhiều thuốc thì được dùng, không được uống mỡ và thoa chà vào mình, v.v. Hoặc có nhân duyên được dùng, được dùng sữa, lạc, bơ sống, đề hồ. Trước kia ta ăn cháo sữa vì gió đàm lạnh. Kinh Vị Tăng Hữu chế năm giới rằng: Nếu có người uống rượu mà tâm vui vẻ, sinh pháp lành thì uống không phạm giới, rộng như kinh ấy có nói. Hướng chi giới Bồ-tát có lợi không phạm. Như Duy-ma-cật vào các quán rượu, có thể lập chí cho mình.

3. Giới không được ăn thịt.

Kinh chép: Nếu Phật tử cố ăn thịt, cho đến nếu cố ăn thịt thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lẽ ra phải lóc thịt trên mình mà cứu giúp mạng sống loài vật, mà lại ăn thịt loài khác, đến nỗi giết hại. Nên nay Phật cấm. Kinh Văn-thù Vấn cấm Bồ-tát rằng: Nếu người giết để đãi mình thì không được ăn. Nếu thịt như cây rừng đã tự thối rửa, muốn ăn được ăn. Nếu muốn ăn thịt phải tụng chú ba lần “Đa-Điệt-Tha”, (Hán dịch là “Như thị”) “A Nại Ma”, A Nại Ma”, (Hán dịch là “Vô ngã, vô ngã”) “A-Thị-Bà-Đa, A-Thị-Bà-Đa”,

(Hán dịch là “Vô thọ mệnh, vô thọ mệnh”), “Na-Xá Na-Xá” (Hán dịch là “Thất, Thất”) “Đà-Ha-Đà-Ha”, (Hán dịch là “Thiên, Thiên”). “Bà Phất, Bà Phất” (Hán dịch là “Phá, Phá”) “Tăng-Kha Phiêu-Đa Nhị”, (Hán dịch là “Hữu vi”), “Toa Ha”, (Hán dịch là “dứt sát sinh”). Văn-thù bạch rằng: Nếu được ăn thịt vì sao các kinh như: kinh Tả Quy, kinh Đại Vân kinh, chỉ Man kinh, Lăng-già, v.v. đều nói dứt. Phật bảo Văn-thù, vì chúng sinh không có năng lực từ bi, có tâm giết hại, vì nhân duyên này nên phải dứt ăn thịt. Nay Văn-thù-sư-lợi! Có chúng sinh ưa

thích y phẩm tảo thì ta nói y phẩm tảo như thế, khát thực cũng vậy, vì giáo hoá họ nên ta nói hạnh đầu-đà như thế. Này Văn-thù! Vì chúng sinh có tâm giết hại nên ta nói dứt ăn thịt. Nếu không có tâm giết hại, mà có tâm đại từ bi, vì giáo hoá tất cả chúng sinh nên, không có lỗi. Nói cắt đứt hạt giống tánh đại từ bi là do ăn thịt nên dẫn đến giết hại. Nói thấy mà bỏ đi là chim ưng đuổi theo chim bồ câu, chim bồ câu chui vào núp dưới bóng ngài Xá-Lợi-Phất mà vẫn chưa hết sợ, hướng chi ở chỗ người ăn thịt. Nói người ăn thịt mắc vô lượng tội, như nhân duyên không ăn thịt của vị tiên Nhất Thiết Trí Quang Minh, trong kinh nói rộng về lỗi ăn thịt. Vị Tiên ấy chính là Bồ Tát Di-lặc, nên khi thành Phật cấm ăn thịt, nếu ăn phạm nặng, đầy đủ như kinh ấy đã nói.

4. Giới không được ăn năm thứ củ cay nồng:

Kinh chép: Nếu Phật tử, không được ăn năm thứ củ cay, cho đến nếu cố ăn thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Năm thứ củ cay tuy thuộc loại cỏ nhưng hơi dơ khó gần, là vật nên tránh của bậc hiền lương, cho nên cấm, phải dứt trừ. Sư Pháp Tạng nói : Nay trong năm loại củ này, đại toán là tỏi. Có người Giải thích : Hành họ là hồ thông, lan thông là gia thông. Ba loại trên người thế gian thường ăn. Cách thông, Nhĩ Nhã gọi là sơn thông, thân nhỏ lá lớn, đúng là chữ “Các”, đọc cách là sai. Các vùng phương Bắc có cây này, ở Giang Nam không có, ở đó gọi là Hưng cừ. Có người nói là cây cải dầu, nhưng không thấy văn chép. Có người nói, ở Giang Nam, lá nó giống như lá tỏi rừng, gốc và thân giống như cây họ, Bắc ở miền không có. Lại giải thích, A-Nguy Dược, tiếng Phạm là hưng-cừ, truyện chép như thế. Năm thứ củ cay này trừ người bệnh nặng và trường hợp có lợi ích, ngoài ra không được ăn. Như kinh Văn-thù Vấn chép : Không được ăn tỏi, nếu có nhân duyên thì được ăn. Nếu hoà thuốc để trị bệnh thì được dùng. Lại kinh Hoa Nghiêm chép: Trong thân ta có tám muôn hộ trùng. (Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Một hộ có chín ức vi trùng), thân ta an vui thì nó cũng an vui, thân ta đói khổ, nó cũng đói khổ, vì thế Bồ-tát có sự ăn uống gì đều vì muốn cho các loại trùng an vui, chứ không tham đắm mùi vị.

5. Giới không dạy người sám tội.

Kinh chép: Nếu Phật tử thấy tất cả chúng sinh cho đến khiến họ sám hối phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Như luận Du-già chép: Bồ-tát thương xót hữu tình

giữ tịnh giới, không bằng phạm giới để chuyển nhân khổ. Nếu vì giận ghét mà tìm cách xả bỏ không làm lợi ích, là nhiễm ô trái phạm. Kinh Duy-ma chép: chúng sinh bệnh phiền não là bệnh của Bồ-tát, ấy là Bồ-tát không cứu nhân khổ rất, trái với lợi lạc nên nay cấm. Tám giới này đều chung cho giới Thanh Văn và giới Bồ-tát. Luận Du-già chép: Giới Nhiếp luật nghi là giới của bảy chúng. Kinh niết bàn chép: vì đạo Vô thượng nên thọ tám giới. Nói huỷ cấm là đại giới của Tỳ kheo và nhiếp luật nghi giới của Bồ-tát. Bảy tội nghịch như ở dưới. Tám nạn là, có thuyết nói là tám nơi không rảnh rỗi, đó là ba đường ác, cõi trời Trường Thọ, Bắc châu, đui, điếc, thế trí biện thông, sinh trước Phật sau Phật. Vì người ở nơi ấy không tu đạo, nên gọi là không nhàn rỗi, cũng gọi là nạn, đó là báo chướng. Tuy không nêu sám hối nhưng trong nhân kia nói tên quả. Mười điều ác ở đây với lấy nạn đường ác, làm việc lành thế gian sinh về châu phía Bắc, tà định chiêu cảm Trường thọ, báng pháp sinh ra đui điếc, tà trí được thông minh, không kính Ba Bảo sinh trước Phật sau Phật. Có thuyết nói. Trong mười ba nạn, trừ năm tội nghịch, xếp năm tội kia vào bảy tội nghịch, tuy nêu số lớn nhưng lấy nhiễm ô ni, v.v truyện thuyết như vậy. Nói phạm tội nhẹ cấu là trừ người không có năm đức, hoặc trái lại thì sinh lỗi, kia tuy không nêu lên nhưng không phạm. Luận Du-già chép : Không phạm là nếu biết rõ bệnh kia không thể trị khỏi, thì không được cho nói họ biết nói, hoặc lúc quán đối đãi. Hoặc quán do việc tranh đấu, kiện tụng này mà làm loạn chúng, biết người kia hết sức hổ thẹn trở lại thanh tịnh, mà không trách mắng, trị phạt, đuổi đi, đều không phạm.

6. Giới không Thỉnh nói Pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử, thấy có vị Pháp sư Đại thừa cho đến nếu không như vậy thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Thầy của Chư Phật chính là pháp, vì có năng lực sinh trí tuệ, chứng đắc niết-bàn. Kinh Di Giáo chép: Người trí tuệ là chiếc thuyền vững chắc vượt qua biển sinh tử, là ngọn đèn sáng, chiếu soi đêm dài tăm tối vô minh, là thuốc hay trị lành tất cả bệnh, là lưới bủa bén chặt đứt cây phiền não. Vì thế, các thầy dùng văn tuệ, tự tuệ, tu tuệ mà tự tăng ích, Bồ-tát lẽ ra phải diệt thân còn cầu, mà lại khinh mạn trái phạm càng sâu, nên nay cấm. Nói Tăng phường là chế cho xuất gia, nhà cửa chế cho tại gia, thành ấp chế cho vua. Mỗi ngày ba thời là thời trai sáng sớm, thuốc phi thời, v.v. Mỗi ngày đồ cần dùng giá đáng ba lượng vàng là của cải quý báu cũng không tiếc. Vì sao? Vì bố thí cái

chẳng phải Thánh tài mà được Thánh tài. Hai thứ của cải khác nhau như Du-già có nói rộng. Thường thỉnh Pháp sư ba thời nói pháp là nếu vị Pháp sư kia có tuệ hạnh cao siêu hơn mình thì một ngày ba thời sáng, trưa, chiều nên thỉnh nói pháp, vì thỉnh nói pháp nên ngữ nghiệp lành, vì ba thời lễ bái nên thân nghiệp lành, vì chẳng khởi sân, v.v nên ý nghiệp lành. Nói vì pháp diệt thân thỉnh pháp, như hồn trần núi Tuyết cầu nữa bài kệ, việc ấy chẳng phải một các như nạn bị bệnh, v.v Vị sư kia kém hơn ta, không thỉnh thì không trái.

7. Giới không đi nghe pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử thấy tất cả chỗ, cho đến không đến chỗ ấy nghe pháp thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Muôn hạnh một môn cái gọi là đắc ý, đắc ý mà làm thì chẳng có việc nào làm không được. Nên Bồ-tát tân học gặp việc không giải quyết được, phải đi học để thành Thánh hạnh. Như kệ kinh nói: Nếu lửa đầy khắp thế giới cũng nhất định phải đến nghe pháp, biết sẽ thành Phật đạo, vượt qua dòng sinh tử cho nên phải như vậy. Như phẩm thứ bảy mươi chín chép : Vô thượng Bồ-đề thể của là tuệ, tuệ năng dẫn dắt đến tất cả chỗ Ba-la-mật khác, là vì khi ở tuệ khởi tà hạnh, phải biết Bồ-tát đối với Bồ-đề kia, và có công năng dẫn pháp đều khởi tà hạnh. Vì thế Bồ-tát khinh thân trọng pháp. Vì sao? Vì có bài tụng rằng: Tuệ đối các hạnh lành, như nắm chặt mái chèo, trăm ngàn mù lạc đường, nhờ một mắt được sống. Hỏi: Nếu vậy vì sao kinh Hoa Nghiêm tụng rằng:

*Thí như người nghèo cùng
Ngày đêm đếm báu người
Mình không có nửa đồng
Học rộng cũng như vậy.*

Đáp: Vì kinh ấy chỉ là ngăn học rộng là rốt ráo, chớ không ngăn gốc học rộng Thánh tuệ. Như Du-già tụng rằng:

*Học rộng biết được pháp
Học rộng là được ác
Học rộng xả vô nghĩa
Học rộng được niết-bàn.*

Nói Tỳ-ni ,Hán dịch là Điều phục, vì dứt được tác động mạnh mẽ của nghiệp ác. Nghe nhận thưa hỏi: như Du-già phẩm ba mươi chép. Người mới tu nghiệp vì chứng nghĩa lợi, trước phải an trụ chánh niệm ở bốn chỗ, sau đó mới thưa hỏi. bốn chỗ là gì? lược nhiếp tụng rằng:

*Không ganh, không kiêu mạn
Không phô tài năng mình
Khéo an lập mình người
Rồi mới thỉnh Pháp sư*

Bồ-tát chép: Tâm kiêu mạn giận ghét không đến nghe pháp là nhiễm trái phạm. Lười biếng không ô nhiễm. Không phạm là bị bệnh không có sức khỏe. Hoặc biết giảng pháp trái ngược và Pháp sư kia đã nói pháp mình đã nghe rồi, hoặc hộ tâm người giảng, hoặc siêng tu pháp lành khác.

8. Giới bỏ chánh theo tà:

Kinh chép: Nếu Phật tử, có quan niệm trái bỏ, cho đến kinh luật phạm tội nhẹ cấu. Kể rằng: Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát sợ đạo Hai thừa, cho nên mạn thì sợ xả thân, bỏ Đại thừa theo Tiểu thừa thì trái với đạo Bồ-tát, cho nên phải cấm.

Hỏi: Tâm trái bỏ Đại thừa bị mất giới, vì sao lại kết tội khinh?

Đáp: ở đây vì chê bai giáo pháp khác chứ chẳng phải trái bỏ tất cả, ngay cả Bồ-tát Địa nếu không chê bai mà kính mến Như lai, tuy không tin hiểu, nhưng không trái phạm. Nói kinh luật thường trụ là thường trụ sở thuyên, kinh luật năng thuyên. Lại Phật ba đời, đồng thuyết đồng hạnh, không thể thay đổi. Nếu Hai thừa chê bai pháp không, v.v gọi là Tà kiến.

9. Giới phải săn sóc người bệnh.

Kinh chép: Nếu Phật tử, thấy tất cả người tật bệnh, cho đến không cứu giúp thì phạm tội nhẹ cấu. Giải thích : Bồ-tát dùng đại bi nhờ gốc khổ bệnh mà không cứu nạn thì chẳng phải lỗi này, cho nên không cứu giúp là tội, vì săn sóc bệnh tức là bố thí mạng sống. Nói cúng dường như Phật không khác Phật là bậc đáng kính, người bệnh là người đáng thương, kính thương tuy khác, nhưng ở khía cạnh nào đó có nghĩa giống nhau, nên nói là không khác. Tám ruộng phước, có chỗ nói là.

1. Tạo chỗ rộng lớn, giếng nước ngọt.
2. Làm cầu đường xây.
3. Đắp đường bồi lộ
4. Hiếu kính cha mẹ.
5. Cúng dường Sa-môn
6. Cúng dường người bệnh
7. Cứu giúp ách nạn.

8. Lập hội vô già. (Sư Pháp Tạng Giải thích chưa thấy Thánh giáo).

Ở đây Giải thích là :

1. Phật
2. Bậc Thánh
3. Hoà-thượng
4. A-Xà-lê
5. Chúng tăng
6. Cha.
7. Mẹ.
8. Người bệnh

Vì sao biết như vậy?

Nay văn dưới đây chép : Tám ruộng phước là Chư Phật, bậc Thánh, tất cả Sư tăng, cha mẹ, người bệnh. Nói phạm tội nhẹ cấu là trong Du-già chép : Nếu tâm giận ghét là nhiễm ô trái phạm, nếu vì lưỡi biếng thì không nhiễm ô trái phạm. Không trái phạm là nếu mình bị bệnh, hoặc không có sức khỏe, hoặc nhờ người , hoặc biết người bệnh tự có khả năng cung ứng, hoặc biết người kia bệnh lâu, sự tiếp xúc có thể tự chống đỡ. Hoặc tu pháp lành cao quý không để sen hờ. Hoặc tự biết căn độn khó tu định tuệ, hoặc ở chỗ khác cho họ mà làm việc cung cấp, như đối với người bệnh người có nỗi khổ là đối với , v.v... Vì họ mà làm bạn để giúp đỡ, muốn dứt khổ cho họ, nên biết cũng vậy.

10. Giới chứa Khí cụ sát sinh.

Kinh chép: Nếu Phật tử, không được cất chứa những binh khí, v.v... cho đến chứa dao gậy, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát nên chứa vật có lợi cho hữu tình mà lại chứa khí cụ giết hại, thật trái với lòng thương xót cứu giúp, nên phải cấm. Dù cho cha mẹ bị người giết còn không được trả thù, vì để cho họ tự chịu nghiệp quả đời trước của mình, pháp nhân quả là như vậy, không được tức giận . Nếu tức giận sẽ trở lại hoặc mình, không được lợi ích. Nói phạm tội nhẹ cấu là nếu ủng hộ chánh pháp thì không trái phạm. Kinh Niết bàn nói tại gia hộ pháp cho phép giữ để chiết phục.

Kinh chép: Mười giới như thế vv,... cho đến trong sáu phẩm sau có giảng rộng.

Từ mười giới dưới đây chia làm hai môn. Bốn giới đầu là môn giữ gìn pháp lành của mình, sáu giới sau là môn giữ gìn pháp lành của người. Lời văn rất dễ hiểu.

1. Giới làm sứ mạng cho hai nước.

Kinh chép: Phật dạy, nếu Phật tử, chẳng được vì quyền lợi cho đến cố làm thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lẽ ra phải hoà giải các sự tranh chấp mà trái lại đi thông sứ mạng giúp cho họ giết hại nhau, thật trái với đạo Bồ-tát, cho nên nay chế phải dứt trừ. Nếu vì điều phục chấm dứt giết hại lẫn nhau kéo dài, theo lý thì không phạm. Hưng là sinh khởi. Sứ là quân lính.

2. Giới Buôn Bán làm nã người:

Kinh chép: Nếu Phật tử, cố mua bán người lành, cho đến bảo người buôn bán thì phạm tội nhẹ cấu. Giải thích : Buôn bán hữu tình khác làm vui, buôn bán quan tài, thì phải mong người chết, đời sống thấp hèn không gì hơn việc làm này. Không có tội mạng duyên ở thế gian có nhiều cho nên chế, Bồ-tát phạm liền thành tội. Nói lục súc, như Chu lễ nói là Bò, Ngựa, Chó, Dê, Heo, Gà, thật ra chung cho tất cả các loài súc sinh. Huống chi bảo người buôn bán là lấy lợi tha làm đầu nên nêu mình để so sánh với người buôn bán. Trừ nghiệp thấp hèn còn chánh nghiệp khác được buôn bán, ngăn đạo khai cho thế tục. Như kinh Ưu-Bà-tắc giới chép: Phật tử tại gia có của cải nên chia làm bốn phần, một phần cúng dường cha mẹ vợ con, phần thứ hai buôn bán đúng pháp, hai phần còn lại cất giữ.

3. Giới chê bai Không có Căn Cứ.

Kinh chép: Nếu Phật tử, vì tâm ác cho đến đọa vào đường ác, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Khinh khi chống cự lại người hiền thiện là không hổ thẹn, tất cả việc ác từ đây sinh ra, không hợp cho việc tiếp nối làm hưng thịnh hạt giống Phật, cho nên phải cấm. Tâm không lợi ích nên nói là tâm ác. Vì lìa ba căn nên cũng nói là vô sự. Không căn cứ chê bai này không thể mất đi, nên đối với lợi tha xếp vào tội khinh. Giới Thanh Văn, không y cứ mà chê bai thì kết tội nặng, chê bai có thật thì kết tội khinh. Đối với kia tự làm thì có cả khinh trọng. Thế gian có câu: Kẻ sĩ biết mình là dụng, biết mình là người hiền, người bố thí pháp lành cho ta là thầy ta, hộ tài vật của mình là lời dạy của vua, nhờ ơn nuôi dưỡng che chở là ân cha mẹ. Nói sáu thân là cha, mẹ, bác, chú, anh em. Biết ân báo ân là bản hạnh của Bồ-tát, chết còn không nề hà, mà lại sinh tâm hại chúng sanh khác. Như nói: Khi Đức Thế tôn làm chim én đầu đàn,

dắt dẫn năm trăm chim én bay về hướng Nam, bấy giờ nhận đầu đàn sa vào lưới thợ săn, lúc đó có một con chim én kêu la thảm thiết, lảng vảng không chịu bay đi. Khi ấy, gã thợ săn giương cung định bắn mà chim én kia không tránh mũi tên, đôi mắt cứ nhìn chăm chăm vào gã thợ săn, rồi lập tức vỗ cánh bay đến đậu vào chỗ chim ưng đầu đàn, năm trăm chim én khác cũng bay lượn lảng vảng trên không chẳng chịu bay đi. Gã thợ săn thấy vậy sinh tâm hổ thẹn bèn thả chim én đầu đàn. Một con chim én ấy chính là A-nan. Vua A-Xà-thế tuy thả voi sai hại Phật nhưng tâm sinh quyến luyến không rời Đức Thế tôn. Năm trăm La-hán bay lên hư không như bản văn kể, hoàn toàn trùng hợp, ân ấy được bậc chí nhân khen ngợi. Bồ-tát nếu trái thì chế thành tội.

4. Giới đốt lửa làm tổn hại chúng sinh:

Kinh chép: Nếu Phật tử, vì tâm ác cho đến nếu cố thiêu đốt phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Trong việc sát sinh không gì hơn đốt lửa, con chim trĩ còn thối canh ướm để cứu nạn thiêu đốt. Bồ-tát đốt lửa, thật là trái đạo, cho nên cấm. Nếu muốn đốt lửa hại mạng tổn vật, đặc biệt bị tội sát, trộm. Luận Du-già nói là trộm phạm tội nặng, trong đây như núi, v.v... phần nhiều không có chủ, nhưng không có lòng từ bi gọi là tâm ác. Quyết định vật có chủ lược nêu có sáu:

1. Nhà cửa của người
2. Thành ấp.
3. Tầng phòng
4. Ruộng vườn. Cây cối
5. Vật của quỷ thần
6. Vật của quan.

5. Giới pháp hóa trái tông:

Kinh chép: Nếu Phật tử, từ đệ tử Phật cho đến luận tà kiến, v.v... thì phạm tội nhẹ cấu.

Kể rằng: Bồ-tát phải dùng pháp Đại thừa giáo hoá chúng sinh. Như Kinh Duy-ma chép: vào chỗ giảng luận, dùng pháp Đại thừa dẫn dắt chúng sinh, nếu dùng Tiểu thừa giảng làm chướng Đại thừa thì trái đạo Bồ-tát, cho nên cấm.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao luận Du-già chép : Nếu có người đến cầu pháp, trước phải hỏi dòng họ, nếu người kia dùng trí tuệ khéo léo nói căn tánh của mình thì tùy theo sự thích ứng mà trao thừa pháp cho họ.

Nếu người kia không biết chủng tánh của mình, nên lần lượt cho họ nghe nói pháp ba thừa, tùy theo chủng tánh của họ mà nghe pháp phát tâm, sau đó phải nói thừa pháp cho họ? Nghe phải không?

Đáp: Nay ngẩn tâm ác không trái với luận kia, y theo nghiệp nói đối, tuy không tin mà phạm, nay trong văn này nói lược có bốn chúng:

- Chúng Nhập chánh pháp.
- Chúng Chưa nhập chánh pháp.
- Chúng Đồng khí liền càn.
- Chúng Đồng nương bà con.

Có ba. Pháp được truyền trao

1. Giáo pháp, là giáo pháp kinh luật Đại thừa

2. Lý pháp: là nghĩa lý của giáo pháp.

3. Hành pháp là phát tâm, v.v...

Nương giáo sinh giải, nương giải khởi hạnh, thứ lớp như thế, trong đây phát tâm Bồ-đề là Mười tám, Mười phát tâm là Mười trụ, trưởng dưỡng tâm là Mười hạnh. Kim cương tâm là Mười hồi hướng, không nói Mười địa vì tự chứng sẽ hiểu. Hoặc có bản kinh không có Trưởng dưỡng tâm, nên biết rất ít. Nói hoàn giáo, như kinh đại Tập chép: Khuyến học Tiểu thừa là nghiệp ma, hướng chi tà luận của ngoại đạo nên biết là phạm tội.

6. Giới tham của cải, bỏn sên pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử, có tâm tốt cho đến phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Phải tự học trước, sau đó dạy lại người, tham tài lợi mà sên pháp thì cắt đứt hạt giống Phật, trái đạo Bồ-tát, nên ở đây cấm. Trong đây ý Giải thích . Trước giảng về khổ hạnh để răn tâm, giúp cho được vững vàng, sau đó mới nói chánh pháp chân thật. Đáng trả lời mà không trả lời là không nói, nhưng chỉ vì lợi không có bỏn sên pháp, nên thuộc về tội nhẹ. Như luận Du-già chép: Hiện có tài pháp mà bỏn sên không bố thí phạm Tha thắng xứ. Chê bai thuyết Ba Bảo, như văn chấp nghĩa. Kinh Niết-bàn chép: Nếu nói chúng sinh chắc chắn có Phật tánh, hay không có Phật tánh đều là chê bai Ba Bảo Phật, Pháp, Tăng. Phạm tội nhẹ cấu, Luận Du-già chép: Có người đến cầu pháp, mà tức giận ganh ghét không bố thí là nhiễm ô trái phạm. Biếng nhác vọng niệm không nhớ thì không nhiễm ô trái phạm, không trái phạm là ngoại đạo xét lỗi, hoặc bệnh hoặc điên cuồng, hoặc muốn điều phục, hoặc đối với pháp này chưa khéo thông hiểu, hoặc lại thấy kia không cung kính, không hổ thẹn, oai nghi xấu mà đến, hoặc biết người kia ám độn

lại sinh tà kiến. Hoặc biết người kia chuyển khắp phi nhân mà không thí cho, đều không phạm.

7. Giới Cậy Thế lực Quyên Tỏi

Kinh chép: Nếu Phật tử, tự mình vì việc ăn uống cho đến đều không có tâm hiếu thuận thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Không chỉ làm phiền não người , mà mình cũng mệt mỏi, rất chướng ngại cho hai lợi nên cấm. Như kinh Di Giáo chép: Người nhiều ham muốn, vì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều. Thực hành ít muốn thì tâm rất thản nhiên, không lo sợ gì. Không biết đủ thì tuy, giàu mà nghèo, vì thường không thỏa mãn. Người biết đủ tuy nghèo mà giàu vì thường an vui. Nói cầu quá cầu nhiều là phân biệt với phi nhiệm có nghĩa cầu lợi. Như luận Du-già chép: Nếu các Bồ-tát như giới kinh của Phật là giúp cho Thanh Văn ít sự ít nghiệp, ít hy vọng, lập ra già tội không để tạo tác, không nên đặng học. Vì sao? Vì Thanh Văn tu tự lợi, đối với lợi tha trụ trong ít sự, ít nghiệp, ít hy vọng gọi là Diệu. Chẳng phải các Bồ Tát đặt lợi tha làm đầu mà không đoái hoài tự lợi. Trong lợi tha thì sống trong ít sự, ít nghiệp, ít hy vọng, gọi là Diệu Bồ-tát làm lợi tha như thế, từ người không phải bà con, trưởng giả, v.v., nên cầu chứa các loại vật báu như trăm ngàn ý bát, v.v...

8. Giới luống dối làm thầy.

Kinh chép: Nếu Phật tử, phải học tụng giới cho đến truyền giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Mỗi ngày thường trì tụng hiểu rõ là thầy, biếng nhác không biết là điều mà cấm giới này. Nói tức là dối gạt mình và cũng là dối gạt người là tự làm cho pháp Đại thừa suy tổn, nên nói dối gạt mình, trao giáo pháp luống dối không lợi ích mà siêng năng khổ nhọc nên là nói cũng là dối gạt người. Bồ-tát Địa chép: làm ra vẻ oai nghi, tương tự công đức của Bồ-tát, ở đây tuy là nói dối nhưng dối gạt làm thầy thì phạm tội nhẹ cấu.

9. Giới làm cho hai bên tranh chấp:

Kinh chép: Nếu Phật tử, vì tâm ác cho đến gây ra nhiều tội ác thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lẽ ra phải khen ngợi hạnh tốt của người, làm cho hai bên hoà hợp, sinh ra pháp lành, mà lại đâm thọc hai đầu cho hai bên bất hoà, trái đạo, cho nên chế ra giới này. Thấy Tỳ-kheo giữ giới:

đây là đâm thọc chúng hiền lương. Tay bưng lư hương, v.v... là oai nghi hành đạo. Mà đâm thọc hai đầu, v.v... là đâm thọc cho hai bên sinh sự bất hoà. Cấu là gặp, chệ bai khinh đối bên đây, bên kia, gây ra nhiều tội ác. Bồ-tát Địa chép: Nếu thấy chỗ nhiếp thọ của bạn ác là nói lời chia rẽ thì lại sinh công đức.

10. Giới Không cứu giúp kẻ còn người mất:

Kinh chép: Nếu Phật tử vì tâm từ bi cho đến nếu không như vậy, thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Văn kinh có hai ý, đầu tiên là phóng sinh để cứu nạn chết, sau là ăn chay giảng pháp cứu vượt vong linh. Đầu là cha mẹ của ta là khởi quán thân thuộc rộng khắp. Như Đức Thế tôn dạy: ta không hề thấy tất cả hữu tình sống trong đêm dài sinh tử mà không từng là cha mẹ các thầy. Nói cũng là giết thân cũ của tà: là bốn đại năm uẩn thường bám thọ, đều là con cháu cũ của cha mẹ ta, không thể không phân thọ khí với ta. Như thế gian có câu. Trong lòng của bậc Trượng phu chí khí tự có gió mây, kẻ sĩ giao du trong bốn biển đều là anh em. Nói tất cả chất bốn đại đất, nước, lửa, gió đều là bản thân, bản thể của ta, ở đây đối với muôn vật là đồng thể, mặt đất đâu từng chẳng phải là chỗ bỏ thân, gió lửa còn là thân còn, gió lửa tan thì trở về với đất. Nên thường phóng sinh và dùng phương tiện trừ năng sở sát hiện đang khổ. Ngày có người chết mà giảng giới kinh này là mảnh ruộng tốt có hai việc tốt một là ngăn chặn được điều, không đoạ vào ba đùng, hai là nhờ các gốc lành nên được thấy Phật sinh về cõi trời. Giới trong giới nghĩa là giới Bồ-tát, rộng độ chúng sinh lấy lý làm gốc, vì thế chỉ giảng giới kinh của Bồ-tát.

Kinh chép: Mười giới như thế cho đến nói tương mỗi giới. Từ mười giới sau thành sáu hoà kính. Nghĩa là mười như, kế là ba một bốn hai nhiếp nghiệp ấy kiến lợi giới đồng,

Ba giới đầu đều nhiếp ba nghiệp đồng, nên thành sáu hoà kính.

1. Giới thứ nhất không nhẫn nhục mà trái phạm:

Kinh chép: Nếu Phật tử đem sân báo sân cho đến cố báo thù phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Dùng oán báo oán là trái với hạnh nhẫn nhục. Nếu mất hạnh nhẫn thì gọi là lui sụt tâm Đại thừa, nên ở đây cấm.

Nói dùng sân báo sân, v.v... là như kinh Trường Thọ Vương chép: lấy oán báo oán, oán không bao giờ diệt, lấy đức báo oán, oán mới tiêu

tan, cho nên Bồ-tát không tức giận là mạnh mẽ ý. Nói nếu giết cha mẹ cho đến không thuận với hiếu đạo.

Hỏi: Theo lẽ của thế gian, oán thù của cha mẹ chẳng trả thì không phải đạo hiếu, tại sao nay nói trả thù cho cha mẹ, vua chúa là trái với đạo hiếu?

Đáp: Hiếu có hai thứ, hiếu thế gian là dùng oán báo oán, như cỏ dập tắt lửa. Hiếu theo thẳng nghĩa là lấy từ bi báo oán như nước dập tắt lửa, đã tin chúng sinh trong sáu đường đều là cha mẹ ta, thì đâu thể vì một người thân lại hại một người thân, kia giết thân đời này đời sau đọa vào địa ngục, chỉ đáng xót thương chớ không nên báo thù, nên dùng lòng từ bi bình đẳng cởi mở oán thù khiến mau dứt hẳn, đó là hiếu trong hiếu. Mà Bồ-tát xuất gia không có lòng từ bi cố báo thù: xuất gia có hai, một là tâm xuất gia, hai là thân xuất gia, nên chung cho hai chúng, không hẳn là sai. Như giới kinh chép:

Nhẫn nhục bậc đạo nhất

Phật nói vô vi cao

Xuất gia khuấy rối người

Không gọi là Sa-môn.

2. Giới khinh mạn người xem thường pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử, mới xuất gia cho đến nhất nghĩa đế bậc, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Thuở xưa, có người cầu pháp, dám nhảy xuống hố lửa, muốn nghe nửa bài kệ mà treo mình trên núi Tuyết, thân vua cũng làm giường cho La-sát, y trời lại trải làm chỗ ngồi cho Dã-Can, đỉnh trời tuy tôn quý lại đội chân súc sinh, ruộng tốt thì trồng pháp làm đầu. Cho nên xem thường chế là phạm tội. Trong đây có người trí và người thông hiểu việc thế tục.

3. Giới khinh thường người mới học:

Kinh chép: Nếu Phật tử, sau khi Phật diệt độ cho đến không hết lòng chỉ bảo, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát lẽ ra phải khen ngợi, khích lệ người mới học mà lại khinh thường không chỉ dạy thì chế thành tội. Như kinh Anh Lạc chép: Nếu giáo hoá một người khiến họ phát tâm thọ giới Bồ-tát còn hơn xây tháp Phật đầy khắp cõi Đại thiên. Nói sám hối trước Phật Nghĩa là khi sám hối nhớ nghĩ nghĩa này, lược nhiếp tụng rằng:

Phật thế độ chúng sinh

*Ta vào số một đời
Biến Tri khéo giúp ta,
Tất cả tội diệt trừ.*

Tự Thọ Yết-ma như Bồ-tát Địa phẩm bốn mươi một chép: Nếu trong ngàn dặm, v.v, là nếu ông tự thọ công đức yếu kém thì không đúng. Tuy không hiện duyên nhưng tâm mạnh mẽ, như phẩm năm mươi ba chép: Tự thọ hay thọ với người, hoặc tâm bình đẳng thọ cũng giữ như thế, phước đức không khác.

Hỏi: Phẩm năm mươi ba chép: Nếu lại có người nghĩ rằng, chỗ ở của ta khó sinh sống, phải xuất gia mới dễ sống, như mà các Tỳ-kheo tu phạm hạnh, ta cũng tu phạm hạnh. Cho đến lúc qua đời nên tu phạm hạnh, giới xuất gia như thế không gọi là ý lạc tổn hại, tuy không thuần tịnh nhưng cũng chẳng thể không gọi là xuất gia thọ giới cụ túc, đã vậy thì cũng có thể không cầu Bồ-đề mà thọ được tịnh giới của Bồ-tát ư?

Đáp: Hạnh Thanh Văn lấy thân, ngữ làm đầu, tuy tâm không thuần phạm hạnh nhưng dễ thành tựu, Bồ-tát không phải như vậy, vì vẫn còn ý địa, hoặc nói văn kia nói lên tâm lộn xộn này, chẳng thể nói đều không có ý ưa thích niết-bàn.

4. Giới bỏ pháp cao siêu, theo pháp thấp kém:

Kinh chép: Nếu Phật tử, có kinh luật Đại thừa cho đến nếu cố làm thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Khó gặp Đại thừa, như kinh có nói rộng. Nói Bồ-tát là người học Đại thừa. Giữ chặt cái vô tri của mình, bị chuyển theo bạn ác, vì ngăn ngừa lỗi ấy, nên chế ra giới này. Nói có kinh luật Đại thừa pháp của Phật là nói giáo pháp, vì phân biệt với ngoại đạo nên nói kinh luật của Phật, vì khác với Hai thừa nên nói là pháp Đại thừa. Nói chánh kiến là hành pháp, chánh tánh là lý pháp, pháp thân là quả pháp. Mà bỏ bẫy vật báu là pháp Đại thừa đáng xem trọng, từ thí dụ mà thành tên. Như bỏ bẫy chất báu lại lấy gạch vụn. Hoặc có kinh chép không bỏ bẫy chất báu, tức vật quý của thế gian. Trong đây thêm bớt gọi là tà kiến, luận Tiểu thừa, v.v gọi là A-tỳ-đàm. Nói thư ký là văn chải chuốt của thế gian. Luận Du-già chép: Nói tương tự chánh pháp và đoán trước số văn chương thế gian rõ ràng, tức là công đức tương tự của Bồ-tát. Là cắt đứt hạt giống Phật, chướng ngại nhân duyên của đạo, như Khế Kinh chép: Pháp Đại thừa lưu hành gọi là hạt giống Phật không bị cắt đứt Kinh Pháp Hoa chép: người học Tiểu thừa không được ở chung với. Như luận Du-già chép: Đối với Bồ-tát Tạng chưa nghiên cứu tinh

chuyên, chuyên học pháp Thanh Văn và luận ngoại đạo, v.v... là nhiệm ô trái phạm. Hoặc người thông minh bậc thượng mau thọ không quên. Hoặc đối với nghĩa ấy có khả năng tư duy thông suốt. Hoặc đối với giáo pháp Phật không có động giác, trong mỗi ngày thường dùng hai phần thời gian tu học Phật ngữ, một phần thời gian nghiên cứu ngoại điển thì không phạm. Lại lại nói : Nếu nói Bồ-tát vì sao lại thọ trì tạng pháp của Thanh Văn , là nhiệm ô trái phạm: pháp ngoại đạo còn học, huống chi đối với lời Phật. Không phạm là vì một người hoàn toàn học tập Tiểu thừa bỏ dục kia nên nói như thế.

5. Giới làm pháp chủ mà không có tư cách:

Nếu Phật tử sau khi Phật diệt độ, cho đến xài dùng vật của Ba Bảo, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Nói Pháp chủ là người nói pháp, làm Pháp chủ là giữ gìn kinh tạng.v.v Tăng phường chủ là Tri Sự, giáo Hoá chủ là Hộ Pháp hoá tục, Toạ Thiền chủ là dạy trao chỉ Quán. Hành lai chủ là người coi về chúng du phương. Rộng ra các chủ khác lấy nhân nghĩa làm trọng. Sư tử rút xương sườn để cứu khỉ con, nai chúa ở vườn Nai. Chính là việc ấy. Như tự mình có có hai nghĩa, một là chớ tùy ý dùng như vật của mình, hai là chớ nên dùng chỗ như mình tiếc rẻ. Nay trong giới này không thủ hộ, bị tội nhẹ cấu, y theo vật bị tổn hại phạm Ba-la-di.

6. Giới đón rước Tỳ-kheo khách trái với nghi thức:

Nếu Phật tử trước ở trong tăng phường cho đến không phải dòng họ Thích, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Pháp lợi trong Phật pháp lẽ ra là đồng mà lại dùng không bình đẳng cho nên chế là tội. Chỗ an cư mùa hạ: số Bắc Tinh châu chép: kinh luận xưa nay hoặc gọi là toạ hạ, hoặc gọi là toạ lập, hoặc gọi là Hạ lập, đều do không thông hiểu phương ngôn. Nay y theo bản dịch của Ba Tạng đời Đường chép: Vũ an cư, nghĩa là an cư vào mùa mưa, nhưng phương Tây lập thời gian khác nhau, hoặc lập bốn mùa nghĩa là từ mười sáu tháng giêng đến rằm tháng tư là mùa Xuân, từ mười sáu tháng tư đến rằm tháng bảy là mùa hạ, mùa Thu, Đông này mỗi mùa đều có ba tháng. Đến rằm tháng giêng, cộng chung là một năm, hoặc một năm chia thành ba mùa, Phật pháp y theo đây mà định, từ ngày mười sáu tháng giêng đến ngày rằm tháng năm gọi là mùa nóng. Từ ngày mười sáu tháng năm đến rằm tháng chín gọi là mùa mưa. Từ ngày mười sáu tháng chín đến rằm tháng giêng là mùa lạnh. Mùa

mưa còn trùng sinh nhiều nếu như tăng đi lại nhiều thì khiến người đời chê bai nên chế an cư vào mùa nầy. Nhưng sơ an cư, tức là từ ngày mười sáu tháng năm đến ngày rằm tháng tám, dù mùa mưa sắp hết, e rằng đến mùa lạnh không có lợi ích nên khai một tháng làm tháng đều bù lao nhọc. Hoặc hậu an cư từ mười sáu tháng sáu đến rằm tháng chín, thì không có tháng đều bù lao nhọc vì ba tháng mùa mưa đã kết thúc. Nay đây từ mười sáu tháng tư đến rằm tháng bảy thật là sai lầm, vì chẳng phải mùa hạ. Nói an cư mùa mưa, nói khách tăng có phần lợi dưỡng là tín thí gồm cả mười phương, Phật chế thỉnh Tăng, theo thứ lớp nên khách tăng cũng được phần. Nói bị vô lượng tội là do trộm vật của hiện tiền tăng mười phương, lợi dù nhỏ, tăng cùng phạm tội vô biên.

7. Giới Thọ người Thỉnh riêng:

Nếu Phật tử, tất cả cho đến tự mình dùng, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Vì tổn phước vô hạn của thí chủ, cũng làm mất lợi dưỡng bình đẳng của chúng tăng nên phải cấm. Tất cả không được nhận là phân biệt với Thanh Văn, nếu chẳng phải đầu-đà thì cho phép thọ thỉnh riêng. mà lợi dưỡng này thuộc về mười phương Tăng: nếu thứ lớp thọ thỉnh lẽ ra phải thuộc về Tăng mười phương và tám ruộng phước. Tức là lấy của mười phương Tăng đem về phần mình: đã nhận cúng dường của người, chẳng phải giới trọng thứ hai. Tám ruộng phước: như trong kinh Phật v.v... ở trước đã nói. Nếu như vậy vì sao Bồ-tát Địa nói: Người đến thỉnh mà giận ghét không nhận là nhiễm ô trái phạm, cho đến giảng rộng. Có thuyết cho rằng. Người kia thỉnh theo thứ lớp, có thuyết thì nói sắp nói pháp, v.v... đặc biệt có sự giáo hoá, không liên quan gì đến thứ lớp tăng được thọ thỉnh riêng. Như thế không thọ như luận đã cấm, về sau là hơn vì trước đã nói cúng dường nói pháp.

8. Giới tự Thỉnh Tăng riêng.

Nếu Phật tử, có Bồ-tát xuất gia cho đến thỉnh tăng riêng, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Hai chúng Bồ-tát là chánh chế, tất cả đàn việt là phụ chế. Nói được Hiền Thánh tăng mười phương là đối với tăng hoàn toàn mở rộng tâm cúng dường, như uống nước biển là uống nước các sông. Nói không bằng theo thứ lớp thỉnh một vị tăng phạm phụ là.

Hỏi vì mở rộng tâm nên được phước như vậy, cũng có thể không lựa chọn đạt đến cơ nhất định giết, hay bị tội giết tất cả cõi hữu tình?

Đáp: Không đúng. Bản nguyện của Chư Phật cho phép tất cả được

thọ, chớ không nguyện rộng hai tất cả loài khác. Không như vậy thì hữu tình kia chịu khổ lẽ ra không cùng tận. Nói phạm tội nhẹ cấu là trừ người có hy vọng đạo đức riêng.

9. Giới Tà Mạng có lúc nào Nuôi thân.

Nếu Phật tử, vì tâm ác cho đến không có tâm từ bi thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Buôn bán nam sắc, nữ sắc là mở nhà dâm để cầu lợi, việc buôn bán này phạm tội nhẹ cấu. Tự tay làm đồ ăn tức là tội như ác xúc hoại sinh, v.v... lại tạo ra sự hiềm khích thế gian. Ở đây không cấm Bồ-tát tại gia. Xem tướng nam nữ là xem việc cưới xin lại hợp với tướng chỉ tay, v.v... giải mộng lành dữ rất dễ hiểu. Nam, nữ là bói bào thai trai hay gái, chú là bùa chú. Thuật là huyền hoặc, công xảo là thợ giỏi. Rắn độc: như ngày mừng năm tháng năm rắn độc hợp thuốc độc, lại dùng thuốc độc để phòng rắn độc, v.v... sinh kim ngân là làm văn bạc giả để lừa dối người. Trùng độc là để sai quấy, v.v...

10. Giới dối gạt người thêm, làm tổn hại chúng sinh:

Nếu Phật tử, vì tâm ác, cho đến phạm giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Chê bai Ba Bảo này thuộc về tội nặng, thứ mười, lừa dối cầu lợi đều mắc tội này, làm mai mối cho nam nữ giao hội dâm sắc thuộc về trọng thứ ba. Nhưng y theo làm mai mối mà kết tội nặng. Sát sinh, v.v... tùy theo sự thích ứng cũng như vậy, không kính ngày trai kết thành tội khinh. Nói sáu ngày là tháng có trăng, không trăng, mỗi tháng có ba ngày, đó là ngày mừng tám, mười bốn, mười lăm, những ngày này quỷ Thần có thể lực làm tổn hại người, vì để cho người khỏi bị hại nên phải cấm. Một năm có ba tháng trường trai, như kinh Đề vị chép: Tháng giêng ngày trai chính là ngày rằm, tháng năm, tháng chín, ngày rằm cũng là ngày trái chính. Nhân duyên của ba tháng trai như kinh có nói rộng.

Kinh chép: Mười giới như thế cho đến trong phẩm “Chế Giới” có nói rộng.

Từ giới thứ chín trở xuống chia ra chánh thí, già hoành thủ, tránh tà duyên hưởng về chánh thừa, phát nguyện cầu, lập thế nhằm chán, lìa nạn, không loạn, lợi lạc, tất cả phải biết.

1. Giới thứ nhất không cứu chuộc các bậc đáng kính bị nạn.

Nếu Phật tử vv cho đến... Nếu không chuộc thì phạm tội nhẹ cấu.
 Giải thích : Bồ-tát lấy việc hộ pháp độ sinh làm tâm, không cứu không chuộc là trái với lòng cung kính và lòng từ bi, cho nên không cứu chuộc thì chế thành tội. Về hình tượng cha mẹ, sư Pháp Tạng nói: Hình tượng cha mẹ mình được người chuộc, hoặc Phật tức là Cha Mẹ.

2. Giới lấy tài vật của người một cách ngang trái:

Nếu Phật tử, không được cho đến nuôi thì phạm tội nhẹ cấu. Giải thích : Bồ-tát Địa chép, vật có chủ, mê vật giá rẻ mà mua, Bồ-tát dạy hiểu ra đúng như giá mà mua. Nhưng đồ này bất hợp pháp cho ít lấy nhiều rất phạm. Nên ở đây cấm.

Nay vì giữ gìn của cải chứa dao gậy, khác với trước vì thích giết hại mà chứa. Đây tuy là cho phép tại gia được mua bán, nhưng không được dùng cân non dạn thiếu. Đây là tự thân quan phá việc thành công của người, lãnh vật chẳng có công lao. Khác trước là dựa vào người. Đã lấy vật của người cho thì chẳng thuộc về giới trộm. Nuôi mèo, chồn, v.v... để tìm tảo vật

3. Giới Luống Làm Việc Vô Nghĩa.

Nếu Phật tử vì tâm ác cho đến nếu cố làm thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Bồ-tát hành đạo phải biết tiếc thời gian, để thời gian trôi qua vô ích thì chế thành tội. Bối là ốc. Kinh Niết-bàn chép: Thổi vỏ ốc để biết thời giờ. Sừng cũng là vật dùng để thổi, là khí cụ vui chơi ở phương Tây. Ba-la-Tắc-Hí: sư Pháp Tạng nói: Đó là món đồ vui chơi của binh lính các nước phương Tây, đó là hai người, mỗi người cầm hơn hai mươi viên ngọc nhỏ cưỡi trên voi hoặc ngựa, trong phần đường tranh được phần đường chính thì chiến thắng. Đạn Kỳ là dùng ngón tay gảy quân cờ, được xa là thắng. Thế gian nói gảy cờ mới có từ đời Ngụy Lục Bác là song lục. Đầu Hồ là bỏ gậy vào trong bình, hạnh tám đạo thành tựu (Đây không có giải thích).

Trảo cảnh là, sư Pháp Tạng nói: Được nghe thuật sư ở Phương Tây thoa thuốc vào móng tay, mai rùa, chú nguyện vào đó thì thấy việc lành dữ. Những việc bói toán này đều là yêu thuật, lại dùng cỏ thơm để làm thuật, hoặc chú nguyện trên nhánh dương, hoặc chú nguyện vào bình bát, hoặc có người sờ vào đầu lâu đều dùng để bói toán thì biết việc lành dữ.

4. Giới lui sụt Tâm Bồ-Đề.

Nếu Phật tử giữ gìn cấm giới cho đến tâm ngoại đạo,... phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Tâm đại Bồ-đề là gốc muôn hạnh. Tịnh giới của Bồ-tát là gốc ba đức, nên chế phải giữ vững không được tạm bỏ. Nói đi đứng nằm ngồi là khuyên thế lực nối tiếp nhau. Như kinh Hoa Nghiêm có bài tụng

*Thí như người dùi lửa,
Lửa chưa phát đã dùng,
Thế lửa liền tắt theo
Biếng nhác cũng như vậy.*

Nói giống như kim cương là ý bền chắc không thể phá hoại. Như đeo phao nổi để lội qua biển lớn là thấy lỗi nhỏ sinh tâm sợ lớn vì lỗi nhỏ cũng dễ làm cho chìm đắm. Như kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát hộ giới như giữ gìn phao nổi, thí như có người đeo phao nổi ấy muốn qua biển lớn giữa đường gặp la-sát xin phao nổi, không thể cho, biển lớn sinh tử, giữ giới phao này, ma phiền não xin không cho dù một chút, vì sợ chết chìm, giảng rộng như trong ấy. Như các Tỳ-kheo bị cột bằng cỏ tươi, đã sinh sợ hãi không bao giờ phạm. Như luận Trang Nghiêm nói có các Tỳ-kheo bị cướp trần lột loả hình nằm để dưới đất cỏ tươi trói bằng qua một đêm tỳ kheo không dám mở dây cỏ. Nhà vua nhân đi săn thấy người loa hình bị trói bằng cỏ tươi cho là ngoại đạo, người tùy tùng thưa rằng đó là đệ tử Phật. Vì sao? Vì vai bên phải bị đen, là tướng y bày vai phải. Vua liền dùng kệ hỏi rằng:

*Khi thấy dường không bệnh
Mập khỏe có sức mạnh
Vì sao bị cỏ trói
Suốt đêm không trở mình?*

Bấy giờ, Tỳ-kheo dùng kệ đáp rằng:

*Vì cỏ này dễ đứt
Bứt bỏ có khó gì
Nhưng vì Giới Kim Cương
Phật Thế Tôn đã cấm*

Nhà vua sinh lòng tin bền cõi trời cho Tỳ-kheo dẫn về cung, may y mới, cúng dường các thứ. Huống chi giới Bồ-tát, nói nếu có một tâm niệm xu hướng theo Hai thừa, v.v... thì phạm tội nhẹ cấu, vì lui bỏ Đại thừa. Như phẩm giới trong Đại Bát-nhã chép : Nếu Bồ-tát trải qua Hằng hà sa số kiếp thọ hưởng năm dục vui sướng, đối với Bồ-tát vẫn không gọi là phạm, nếu khởi một tâm niệm xu hướng theo Hai thừa thì gọi là

phạm.

5. Giới không Phát Nguyện.

Nếu Phật tử thường nên phát nguyện cho đến không phát nguyện này, phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Tà chánh, đúng sai đều do nguyện. Hoặc có điều lành nhỏ với lấy vô lượng quả. Hoặc có nhiều điều lành cảm quả nhỏ hẹp dẫn hành đến quả, nguyện là quan trọng nhất. Nay ý trong văn này phải phát nguyện lớn hai ân hiếu thuận, một là ân che chở nuôi dạy sinh thân, tức là cha mẹ, hai là ân nuôi lớn pháp thân tức là thầy bạn . Hiếu thuận là nhân, nguyện lớn là duyên, sở nguyện thành tựu là ý ở đây.

Nguyện có bốn thứ như: được gặp thầy tốt, v.v... là nguyện gần gũi bậc thiện sĩ, thường dạy bảo ta, v.v... là nguyện được nghe chánh pháp. Giúp ta hiểu rõ là nguyện tác ý đúng lý. Như pháp tu hành là nguyện pháp tùy pháp hành. Bốn nguyện này đều thuộc về các pháp lành, cho nên ở trên nói phát tất cả nguyện.

6. Giới không Phát Thệ.

Nếu Phật tử, khi đã phát mười nguyện lớn rồi cho đến nếu không phát những điều thệ này thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Tuy phát nguyện lớn nhưng nếu chẳng phải tâm thì những ác nạn trong tập khí có thể bỏ, nghiêng vỏ ốc rút nước biển thấm vào hai cánh rươi lên rừng cây được hạt châu, cảm động đến trời Đế Thích đều do thệ nguyện, cho nên chế ra giới phải khế hợp. Về mười nguyện lớn kinh phát Bồ-đề Tâm chép: Người mới phát tâm, lấy đại bi làm đầu, đều phát chuyển mười nguyện lớn chân chánh, một là nguyện từ nay về sau nếu có được gốc lành đều bố thí cho chúng sinh, với mình đều thành Phật đạo, hai là nguyện do gốc lành này được sinh về cõi nước Phật, ba là nguyện sinh về nước Phật rồi, thường không lìa Phật, như bóng theo hình, bốn là nguyện đức Như lai ta nói pháp cho nghe, thành Bồ-tát được năm thân thông, năm là nguyện do đây liền thông suốt nhị đế được chánh pháp trí, sáu là nguyện được trí tuệ, giảng nói cho chúng sinh nghe, giúp họ thông hiểu, bảy là nguyện nhờ năng Phật lực cùng khắp mười phương kính Phật nghe pháp, rộng nhiếp chúng sinh khắp, tám là nguyện nghe pháp rồi liền xoay bánh xe pháp, được nghe danh hiệu ta liền phát tâm Bồ-đề, chín là nguyện chúng sinh phát tâm Bồ-đề rồi, thường tùy lợi lạc, gánh vác chánh pháp, mười là nguyện gánh vác chánh pháp rồi tuy thực hành chánh pháp nhưng tâm không

sở hành, ấy gọi là mười nguyện lớn. Thệ chung nguyện này như chân pháp giới thật không nơi nào chẳng đến. Như cõi chúng sinh không bao giờ có lúc cùng tận. Phát nguyện này rồi lập tiếp mười ba thệ, trong đây mười hai thệ đầu là thệ nguyện giữ giới, một thệ sau là thệ nguyện chứng quả. Trong mười hai thệ đầu thì bảy thệ trước là hộ giới luật nghi, năm thệ sau là luật nghi hộ căn. Hai thứ luật nghi này như Du-già nói: Trong đây, thà bị xô thân này vào hầm lửa, v.v... lửa ở nhân gian, v.v... chỉ hại được một thân xác thịt, tội phạm giới hại cả pháp thân, nên phải biết cân nhắc.

7. Giới Cố Vào Chỗ Hiểm Nạn.

Nếu Phật tử, mỗi năm phải thực hành hai kỳ đầu đạ cho đến cố vào chỗ hiểm nạn thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Thân tâm là đồ đựng đạ, không dám làm tổn thương, khi đến chỗ vắng lặng cũng phải tránh chỗ hiểm nạn. Nói đầu đạ là theo âm mới là Đổ-đạ, Hán dịch là Đẩu Tẩu, vì phải dũi phiến não sinh tử nhiễm. Như kinh Thiện Ý Thiên Tử chép: Đẩu-đà là phải dũi tham sân si, ba cõi, sáu nhập, v.v... Dựa vào Du-già, v.v... hoặc có mười hai hoặc mười ba món, đó là y thực có bốn, riêng y có ba, đồ nằm có sáu. Y thực có bốn là, một là khát thực thường kỳ, hễ qua lại nhà nào thì tùy ý được thọ, hai là khát thực thứ lớp, lần lượt đến từng nhà xin, ba là chỉ ăn trong một oai nghi, bốn là trước dừng lại sau mới ăn, luận Du-già chép: Hai việc đầu đối trị tham thức ăn ngon, hai việc sau là đối trị tham ăn nhiều, nếu y theo khát thực thì không có tánh khác nhau. Mười hai đổ-đạ nếu khai thêm là mười ba. Luận Đại Trí chép: Thọ thỉnh thực, nếu được thì sinh ngã mạn, không được thì sinh buồn rầu, thọ tăng thực thì theo việc chúng, tâm tán loạn, chướng ngại đạ. Thọ thường khát thực thì còn cầu một bữa ăn, nhiều thì sinh chướng ngại, hưởng chi tiểu thực, v.v... nên ăn trong một oai nghi, tuy một bữa ăn nhưng ăn quá no cũng chướng đạ, nên ăn vừa đủ, nghĩa là tùy theo sức ăn, nếu sức ăn ba phần thì chỉ ăn hai phần để lại một phần, thân sẽ nhẹ nhàng an ổn, dễ tiêu không bệnh. Trong y có ba một là chỉ giữ ba y, hai là chỉ giữ y lông thú, ba là giữ y phần tảo, như lần lượt đối trị tham nhiều y mềm mại tốt đẹp. Luận Đại Trí chép : Y là để che thân không nhiều không ít, ít muốn biết đủ nên thọ ba y, thích y tốt đẹp khó tìm cũng với lấy nạn trộm cướp, nên thọ pháp nạp y, v.v...

Đồ trái có sáu, một là trụ A-luyện-nhã, trừ lòng tham xen lẫn, gần xa cách nhau một câu-lô-xá. Tây Vực Ký chép: gọi là một con trâu

rống, nghĩa là tiếng rống của một con trâu lớn có thể nghe được. Luận Đại Trái chép : Tuy ra khỏi nhà, vẫn thuộc thầy trò, nhưng tâm còn tán loạn nên thọ luyện-nhã, hai là ngồi dưới gốc cây. Luận Du-già chép: Ở dưới gốc cây để dứt tâm tham nhà cửa tốt đẹp, ba là ngồi ở chỗ trống. Trí Luận chép: Để dứt lòng tham cây tốt, ánh trăng sáng chiếu khắp hư không trong vắt, tâm dễ nhập ba-muội không, bốn là ngồi ở chỗ gò mả để dứt tham dâm dật, dễ được lìa dục, năm là thường ngồi ngay thẳng để dứt tâm tham dựa nằm. Trí luận chép: Trong bốn oai nghi của thân ngồi là bậc nhất, ăn dễ tiêu hoá vì lìa được hôn trầm trạo cử, sáu là chỗ ở như thường ngồi dứt tham đồ trái, một đồ trái bày ra, rồi thì không được trải nhiều lần, lại phải sửa sang. Luận Du-già chép: Do tham ăn, v.v... nên không thuận theo phạm hạnh, như chưa nhổ lông thì không tùy tiện làm tấm dạ. Nay tịnh tu hạnh đố-đa này cho thuần thực, có sự kham nhiệm, không thâm không bớt. Trí luận chép: Phật pháp chỉ lấy trí tuệ làm đầu, không lấy khổ làm trước, pháp ấy đều là giúp đạo, Chư Phật thường khen ngợi. Nói hai thời hành đầu-đà là hai thời xuân thu đều phải đi khắp nơi, Đông, Hạ ngồi thiền là vì cực lạnh cực nóng, thích hợp thu nhiếp hành tích. Phẩm bảy mươi ba chép : Bồ-tát tuy thực hành mười hai đầu-đà, nhưng không quý các pháp như pháp A-luyện-Nhã v.v..., Giải thích : Vì thuận theo hạnh ít việc của Thanh Văn . Dương chi thơm miệng, giải nhiệt để nhai buổi sáng. Dương chi có các tính chất tốt như kinh A-hàm nói, xà-bông rửa bẩn, tắm gội sạch thân. Ba y là tướng ruộng phước của Chư Phật ba đời. Kinh Đại Bi chép: Nếu Phật tử, sau khi ta diệt độ người có giới hay không có giới, chỉ cần có người mặc ba y của Như-lai thì từ Đức Phật Từ Thị cuối cùng đến Phật Lô-hi-đề đều được nhập niết-bàn, không có dư sót. Bình là đồ chứa nước, bát để khát thực. Tiếng phạm là Bát-Đa-La, Hán dịch là ứng lượng khí, lớn thì chứa được nửa đấu, nhỏ thì đựng được năm siển, luật chế bát làm bằng sắt, sành, ngoài ra không được chứa. Đồ nằm để hộ y, tích trường dùng để ngăn rắn rít, thú dữ, lò hương là để cảm đến Phật, đồ lượm nước để cứu loài côn trùng, khăn tay để lau tay, dao để cắt móng tay, đá lửa để tìm lửa, cái nhiếp dùng để nhổ, giường dây để an thân, kinh, luật để sinh hiểu biết, tượng Phật Bồ-tát, để khởi lòng tin, vì thế đạo cụ phải đầy đủ mười tám vật. Sư Nghĩa Tịch Giải thích : trừ nhành dương, xà-bông, ba y, v.v... vì chỉ khai kinh luật Phật Bồ-tát. Nhưng các sư đời Đường nói: Ba y là ba, kinh luật là một, Phật Bồ-tát là một, mười tám món này luôn mang bên mình như chim mang theo hai cánh, là đạo cụ đã đủ, vì lìa nhiều việc. Như kinh đại Tập chép: Bồ-tát sơ nghiệp thường ưa vắng

lặng, không ưa nhiều việc, đối với người nhiều việc chớ khởi tâm giận ghét. Hoặc kinh ưu Bà-tắc-giới chép: Ưu-bà-tắc nên chứa y, Tăng-già-lê, bát, tích tượng, sao ở đây đã dùng? Hoà-thượng đáp rằng: Bồ-tát cũng có tâm xuất gia. Như kinh Vô Cấu Xưng khen Duy-ma-cật không lìa ba y và bát, v.v... xem văn khác rất dễ hiểu. Ở trong chỗ nạn có hai văn, một là chế sơ nhập, như kinh chép. Nếu lúc thực hành đầu-đà chớ đến chỗ có tai nạn, là tất cả chỗ hiểm nạn như quốc nạn, v.v... hai là chế trong trụ, như kinh chép: tất cả chỗ hiểm nạn ấy đều không được đến, ý nói lúc thực hành đầu-đà cho đến lúc kiết hạ an cư, từ đây trở xuống lần lượt như thứ lớp nhắc lại ở trước kết phạm, các nơi có hiểm nạn này cũng không được và ola nhắc lại điều cấm ở đầu. Các chỗ hiểm nạn này còn như vậy, hướng chi hành đầu-đà, là nhắc lại điều cấm ở sau. Thấy chỗ hiểm nạn vv... trở xuống là nêu lỗi kết tội.

8 Giới ngôi không có thứ lớp:

Nếu Phật tử, phải theo thứ lớp ngôi đúng pháp cho đến không theo thứ lớp ngôi đúng pháp thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Trong Phật pháp giới là thượng thủ, khác thế với gian cho tuổi tác là quý, nếu tôn ty rối loạn thì không còn phép tắc giềng mối, nên nay chế, bất luận già trẻ, v.v... Sư Pháp Tạng nói: có người giải thích cho bốn chúng ngôi chung lẫn lộn là sai. Ý của văn này là nêu chung chế riêng, thật tế theo tông mình đều ngôi theo thứ lớp, Sư Nghĩa Tịch nói: các sư giải thích khác nhau, hoặc chỉ thọ giới, Bồ-tát làm thứ lớp, hoặc Tỳ-kheo trăm tuổi chưa thọ giới Bồ-tát ngôi sau Bồ-tát mười tuổi hạ. Nếu thọ thì ngôi theo số hạ như cũ, giới cũng ngược lại thành giới Bồ-tát, như tôi tớ và chủ tại gia, ở đây cũng vậy, vì tôn ti có khác, như Tỳ-kheo thọ sau ngôi trên ni trăm tuổi hạ. Một là bất luận Thanh Văn, Bồ-tát khác nhau, hễ chỉ cần người thọ giới trước thì ngôi trước, thọ giới sau thì ngôi sau. Như Trí luận chép: Văn-thù và Di-lặc vào chúng Thanh Văn cũng ngôi theo thứ lớp: Tại gia trước cũng phải thọ năm giới Thanh Văn làm đều, tuy chủ thọ sau, đối với tôi tớ là trên, vì không lộn xộn, giống như Tăng Ni tôn ti không lộn xộn.

Hỏi: Nếu vậy thì xuất gia tôn quý là trên?

Đáp: Như đã cho tôi tớ thọ giới làm thứ lớp, trong đây bất luận già trẻ, khác với luật là Sa na-di lấy tuổi tác làm thứ lớp, hoặc thọ giới làm thứ lớp, Hoà-thượng Giải thích . Theo sự thật Bồ-tát tuy là tại gia nhưng ngôi trên đại tăng Thanh Văn . Như kinh A-Xà-thế Vương chép: Văn-thù nói: Cao quý-diếp ngôi trên vì là bậc cao tuổi. Ca-diếp

nhường lại Giải thích : chúng tôi xin ngồi sau vì Bồ-tát là bậc tôn quý, Xá-lợi-Phất nói: Chúng tôi cũng là bậc tôn quý, nhưng đã phát tâm vô thượng. Ca-diếp nói: Bồ-tát tuổi tác cũng tôn quý, thời gian lâu cũng sẽ phát tâm Vô thượng. Nên ngài Văn-thù đem hai ngàn Bồ-tát tại gia đến ngồi ở trước Cứu-diếp khiêm, năm trăm như ca diếp vv... Thanh Văn ngồi sau. Tuy nhiên, nếu các vị Thanh Văn kia bất hoà thì ngồi theo thứ lớp. Như Trí luận chép: Trong pháp của Đức Thích Ca không riêng Bồ-tát Tăng, cho nên đức Văn-thù, Di-lặc vào trong chúng Thanh Văn cũng ngồi theo thứ lớp, ở đây nói hiện thân xuất gia làm đầu, bấy giờ cho phép hiện tướng chúng khác. Nếu theo Văn-thù, thật giới ngồi theo thứ lớp đã trải qua ba đại kiếp không được ngồi lộn xộn, cũng chẳng phải khắp học vào chúng Thanh Văn . Hoặc thọ giới Thanh Văn như Phú-lâu-na, là chúng Thanh Văn chẳng phải Bồ-tát. Tóm lại, nếu hoàn toàn là Thanh Văn không thọ giới Bồ-tát thì ngồi theo thứ lớp. Sau thọ giới Bồ-tát, tuy tuổi hạ Thanh Văn nhiều, nhưng vẫn y theo giới Bồ-tát mà ngồi theo thứ lớp. Nếu đã thọ giới Bồ-tát trước, sau chuyển thừa thì mới thành tựu. Trong Bồ-tát thừa người nữ thọ trước ngồi trên người nam nhưng không ngồi lộn xộn. Vua quan, tể chủ nếu y theo thế tục mà ngồi như tôn ti của thế tục. Nếu ngồi theo pháp thì đều lấy việc thọ giới làm thứ lớp. Do đây kinh chép: Tất cả bất luận hễ thọ giới trước thì ngồi trước.

Hỏi: Bồ-tát có mấy chúng?

Đáp: Theo Trí luận là bốn chúng. là ý của luận kia bằng thọ ba nhóm vì xuất gia, tại gia, nam nữ có khác. Hoặc khắp học là như Thanh Văn .

9. Giới không thực hành lợi ích an vui:

Nếu Phật tử, thường phải khuyến hoá cho đến không như vậy thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích: Hai pháp lành phước và tuệ như hai bánh xe, thiếu một bánh thì quả cao quý khó thành, vì thế khuyến hoá lập chỗ hành đạo, tức là phước hạnh, giảng kinh giúp mọi người hiểu rõ tức là trí hạnh. Tu phước sinh tuệ gọi là lợi, pháp lực cứu nạn gọi là lạc, như theo thứ lớp văn ấy rất dễ hiểu. Tật bệnh trở xuống tức là cứu nạn. Qua lại trị sinh là người ở phương Nam kinh doanh sản nghiệp là nuôi sống, nuôi sống không có lợi cũng giảng Đại thừa. Trong cứu khổ tội báo, báo là báo tội trong ba thời. Trong cứu nạn địa ngục, trói tay gọi là xiềng, buộc chân gọi là cùm, xiết cổ gọi là gông, thắt lưng gọi là xích, đều có nghiệp báo

dẫn đến tội này. Thường tật bệnh là người thường bị bệnh, v.v... do việc làm đời trước mà ra, nhưng có khác nhau, vì sao đều phải giáng Đại thừa? Vì Đại thừa lấy lợi sinh làm đầu.

Kinh chép: Chín giới như thế cho đến trong phẩm “Phạm Đàn” có giảng rộng. Phạm Đàn, Hán dịch là “Mặc Tần”, vì không chịu điều phục nên mặc tần để trị. Từ chín giới sau là dùng từ bi để giáo hoá, năm giới kế là nhiếp khí. Phân biệt với phi, với ngoại hộ, với nội hộ, với cung kính, bốn giới sau là như thứ lớp, thuyết hoá, ngăn ác, hộ chánh, việc làm nên biết.

1. Giới thứ nhất lỗi của sự nhiếp hóa:

Nếu Phật tử, lúc cho người thọ giới cho đến nếu cho người thọ giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích: Người có pháp thì có khả năng lãnh thọ giới, không chọn mà xả bỏ thì bị lỗi nhiếp hoá sai sót, cho nên Phật chế. Tất cả y mặc trên thân đều phải hoại sắc, đặc biệt chế cho người xuất gia. Ca-sa, Hán dịch là bất chánh sắc, nghĩa là màu xanh, v.v... đủ năm màu hợp lại không còn chánh sắc, nên gọi là Hoại sắc. Tuy nói xanh, v.v... nhưng chẳng phải là chánh màu xanh, v.v... Như kinh Văn-thù Vấn chép: Văn-thù bạch rằng: Bạch Đức Thế tôn! Y có mấy màu? Phật dạy, này Văn-thù! Không quá đỏ, không quá vàng, không quá đen, không quá trắng, ba pháp phục thanh tịnh đúng pháp các y khác có màu cũng như vậy. Hoặc tự nhuộm hoặc nhờ người nhuộm, đúng pháp đập xong, hễ mặc xong thì giặt giũ cho sạch sê, như thế vật của quan được dùng nhiều màu xanh vàng. Y nói tất cả cõi nước, theo y phục của người trong nước mặc, y phục của thầy Tỳ-kheo phải khác với y phục người thế tục. Như kinh Di Giáo chép: Tỳ-kheo các thầy phải tự xoa đầu, đã bỏ trang sức tốt đẹp, mặc y loại sắc, ôm ứng khí để khát thực tự nuôi sống, tự thấy như thế, nếu sanh tâm kiêu mạn thì phải mau dứt trừ, thêm lớn kiêu mạn, tại gia thế tục còn chẳng thích hợp, huống chi là người xuất gia nhập đạo. Nói không được cho người phạm tội bẫy nghịch thọ giới trong đời này: có thuyết Giải thích : Người xưa sám hối bảy tội nghịch vẫn còn nên nói hiện đời không đắc giới. Nếu y theo lời dạy sám hối, tội diệt thì được thọ giới. Như kinh Tập Pháp Duyệt giải thích: Tung Đà-la-ni diệt năm tội nghịch có thuyết Giải thích : không đúng. Vì không có văn sám rồi đã được thọ phá. Nói nếu có đủ bảy già , vì mỗi tội đủ duyên thành phạm, chẳng nói phải đủ bảy mới phạm, khi phá pháp luân tăng, không phá yết-ma tăng, nhưng chê bai pháp yết-ma, vì thế chỉ nói phá yết ma

chớ không nói Tăng, chỉ phá yết-ma tăng không bị già nan, chỉ lấy pháp luân tăng lập thành một tội nghịch. Kinh Thiện Sinh chép: Giết chúng sinh phát tâm Bồ-đề, không được thọ giới Bồ-tát, trong đây thuộc về gì? Nghĩa là nói Hoà-thượng, xà-lê, vì kia đã vào trước. Nói người xuất gia không lạy nhà vua, v.v... nghĩa là vua chúa, v.v... dù có giới hay không tất cả đều không bằng công đức của người xuất gia. Cho nên nếu người xuất gia lạy người tại gia thì người tại gia mắc vô lượng tội.

2. Giới tham đệ tử nhiều.

Nếu Phật tử, giáo hoá người cho đến cho người thọ giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Phải dạy thỉnh hai thầy: Hoà-thượng là gốc đắc giới, A-xà-lê-Da là nhân duyên đắc giới. Kinh Phổ Hiền Quán dạy thỉnh ba thầy, vì sinh tâm hết lòng. Du-già chỉ dạy thỉnh một thầy, đó là người làm nhiều việc nghĩa.

Kinh Thiện Giới chép: Thầy có hai loại, một là bậc thầy không thể thấy đó là Chư Phật Bồ-tát, hai là bậc thầy thấy được, đó là thầy truyền giới. Lại Giải thích : Nếu không đối trước Phật, Bồ-tát thế nguyện thọ giới thì không được gọi là giới Bồ-tát, nên biết nói chung tương đối. Là chỗ tôn thờ.

Hỏi: Bảy già nạn làm chướng ngại giới này, như kinh Thiện Giới, y theo đủ đức?

Đáp: Đủ mười việc mới được thọ, nghĩa là trước đã thọ giới Thanh Văn , v.v...

Hỏi: Kinh Ưu-Bà-tắc Giới chép: thọ giới Ưu-Bà-tắc có mười lăm già nạn, vì sao thông thường chỉ hỏi bảy già nạn?

Đáp: Vì kinh ấy dựa theo tánh cận sự nên không trái nhau. Nói dạy sám hối, như kinh Niết-bàn chép: Thế gian có hai hạng người mạnh nhất, đó là người không gây ra tội và người đã gây ra tội rồi mà biết ăn năn sám hối, vì làm người ai mà không có lỗi, có lỗi mà biết sửa đổi thì không có gì hơn.

Du-già chép: Dốc lòng sám hối, như Đức Thế tôn dạy, đối với phạm tội do ý lạc nên ta nói có thể thoát ra, chẳng trị phạt là thuốc sám hối dứt trừ được tội. Kinh Thiện Giới chép: Bồ-tát che giấu tội nặng thuộc về gốc tội, nếu chỉ che giấu tội Tăng tàn thì cũng phạm tội Ba-la-di. Phẩm Đẳng Tuỳ chép: Nếu Thanh Văn che giấu thì chỉ phạm tội Đột-cát-la. Ngàn Phật ba đời, sư Pháp Tạng nói: Kiếp trang nghiêm ở quá khứ có Đức Phật Hoa Quang vv...một ngàn vị Phật như . Hiền kiếp

thời hiện tại có Đức Phật Câu Lưu Tôn một ngàn vị Phật khác như Kiếp Tinh Tú thời vị lai có một ngàn vị Phật như Đức Phật Nhật Quang, v.v... đây là nói theo hiển bày lý chung cho tất cả. Nói nếu không được thấy tướng tốt thì dầu có sám hối cũng vô ích, đây là nói triền phẩm thượng phạm lỗi, chẳng phải triền phẩm trung hạ. Như Du-già chép : lại nữa, tất cả Bồ-tát này trái phạm, nên biết đều thuộc về ác tác, nên hướng về người có đạo lực lời nói biểu nghĩa năng giác năng thọ giới Tiểu thừa, Đại thừa Bồ-Đặc-già-la mà phát lồ sám hối thì tội liền diệt. Nếu các Bồ-tát triền phẩm thượng phạm tội Tha thắng xứ mất giới luật thì nghi phải thọ lại. Nếu triền phẩm trung nên đối trước ba người, hoặc hơn số này mà phát lồ sám hối lỗi đã phạm. Nếu triền phẩm hạ phạm Tha thắng xứ và phạm tội khác (tội nhẹ nói là khác) thì nên đối trước một người sám hối. Nếu không thuận theo Bồ-Đặc-già-la có thể đối phát lồ sám hối trình bày lỗi đã phạm, dùng ý lạc thanh tịnh khởi tâm tự thệ, ta phải quyết định phòng hộ đời tương lai không hề tội nặng . Nay trong đây nói dù sám hối vẫn vô ích, sư Pháp Tạng và sư Nghĩa Tịch nói triền phẩm thượng thì mất giới, nếu sám hối thấy được tướng tốt thì giới cũ sẽ sinh, không cần thọ lại. Nếu không thấy được điều lành, giới cũ đã mất, nên nói hiện đời không đắc giới, chẳng phải bảy già nạn lại thọ, nên nói “nhưng được tăng ích thọ giới”, ý nói khác với bảy già nạn, là kết, nói lên phạm nặng và tội nhẹ cấu, khác với bảy già nạn, không bao giờ được thọ giới khi đã phạm bảy già nạn. Nói đều thông hiểu, như Du-già chép, chỉ tứ người có đức như văn có kia nói . Trong kinh cho phép vợ chồng làm thầy truyền giới lẫn nhau cũng là từ người có đức. Nói “nếu không thông hiểu kinh luật Đại thừa v.v.... là không thông hiểu giáo pháp. Nói không hiểu Đệ nhất nghĩa đệ là không thông hiểu lý pháp, không thông hiểu tập chủng tánh, v.v... là không thông hiểu hành quả. Tập chủng tánh tức là Mười Phát thú, vì nhóm họp đầu tiên. Trưởng dưỡng tánh tức là Mười Trưởng dưỡng tánh, vì dần dần thêm lớn. Bất khả hoại tánh là Mười hồi hướng vì đã vững chắc. Đạo chủng tánh thuận quyết trạch phần vì dẫn đến Thánh đạo, tuy thuộc về hồi hướng nhưng nói riêng như thường. Do đó, giai vị Nhân Vương Mười Hồi Hướng đều gọi là đạo chủng. Chánh pháp tánh tức là Thánh chủng tánh, nhiếp chung Phật địa, đã rõ chân tánh gọi là Chánh pháp tánh. Nói mười chi thiền là gom chung mười tám phần lại thành mười chi. Hỷ lạc định, v.v... tuy nơi tuy có khác nhưng danh nghĩa thì giống nhau. Mười chi gồm có: tâm tứ, hỷ, lạc, định, nội đẳng, tịnh, xả, niệm, chánh tri và xả thọ. Dù biết nội đẳng tịnh tức là xả niệm chánh trí, vì chung riêng có

khác nên lập riêng làm số, truyện chép rằng: Nói ác cầu, v.v... là cầu lợi phi pháp, đam mê không thoả mãn gọi là Tham, ra vẻ oai nghi khác lạ gọi là dối, lừa dối người là khi. Giới này có khác gì giới thứ mười tám kia, giới ấy cấm biếng nhác nhưng, ở đây cấm đê tử, vì tham lợi mà ác cầu.

3. Giới nói giới cho người ác nghe.

Kinh chép: Nếu Phật tử, không được cho đến nếu giảng nói giới của Bảy Đức Phật thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Phẩm bốn mươi của luận Du-già chép: Đối với người không tin và chê bai Đại thừa thì không được giảng nói khai ngộ bừa bãi, vì sao? Vì người ấy nghe rồi không thể tin hiểu, bị sở tri chướng che lấp, liền sinh chê bai, vì chê bai giống như người đã trụ luật nghi tịnh giới của Bồ-tát, thành tựu vô lượng kho công đức rộng lớn, người kia chê bai nên cũng bị vô lượng kho tội nghiệp lớn theo bên mình, vì có lỗi lớn như vậy nên ở đây cấm. Trong đây, người chưa thọ giới, ngăn không phát tâm được. Như Luận Du-già phẩm bốn mươi chép: khi muốn truyền giới Bồ-tát, trước phải nói pháp tạng Ma-Đát-ly-ca của Bồ-tát, học xứ của Bồ-tát và tướng phạm của Bồ-tát, giúp cho người thọ giới nghe nhận, dùng tuệ quán sát từ chỗ ý lại có khả năng thể suy nghĩ lựa chọn. Nói ngoại đạo là tìm lỗi của chánh pháp. Nói người ác là nghe rồi chê bai, đại tà kiến là bác bỏ chung lỗi của nội đạo và ngoại đạo, vì sợ họ thêm lớn việc ác nên không giảng cho họ nghe. Như kinh Thiệt Giới chép: không được giảng cho người không tin, cho đến không được giảng cho người chê bai Đại thừa nghe, vì sao? Vì nếu người không tin thì đó là nhân duyên đọa vào địa ngục. Ngoại trừ vua chúa là Phật pháp giao phó cho hai hạng người, một là đệ tử Phật gọi là nội hộ, hai là các vua chúa gọi là ngoại hộ, nên giảng cho họ nghe. Lại vua có thế lực nên dựa vào giới luật nghi sách tấn răn bảo người thực hành, nên phải biết. Nói hạng người không thọ giới của Phật gọi là súc sinh nghĩa là thân này tuy là người nhưng vì không làm nhân lành nên bị gọi như thế.

4. Giới cố ý làm trái giới cấm của Phật.

Kinh chép: Nếu Phật tử, do đức tin mà xuất gia cho đến phá hủy chánh giới thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích: Tâm còn không được thâm nghĩ việc phạm giới hướng chi Bồ-tát lại làm việc hủy phạm, hoặc trọng hoặc nhẹ, trái lời Phật dạy thì phạm tội này.

Nói không được thọ lãnh đồ cúng dường của tất cả đàn việt, chẳng những tự thêm tội mà còn tổn phước người. Không được uống nước của Nhà Vua: người xuất gia tránh việc nặng nhọc thì chẳng phải ruộng phước, đối với nhà vua không có ân phần nên không sử dụng được, vì thế nói là tên cướp nguy hiểm. Có tội thì đồng với súc sinh, không có điều lành thì đồng với cây gỗ.

5. Giới Không xem trọng kinh luật.

Kinh chép: Nếu Phật tử phải thường nhất tâm cho đến không y theo pháp cúng dường thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Trong đây khó so sánh với dễ, lời văn rất dễ hiểu, đều tùy theo năng lực của mình của báu cúng dường, ý ở đây, trong Du-già, Trung Biên, v.v.v... có nói mười thứ pháp hành trong đây phải đủ. Du-già nói cúng dường Ba Bảo là giới khinh thứ nhất. Kinh Thiện Sinh chép: Nếu làm y phục, bình bát, trước phải dâng lên cúng dường Phật, cha, mẹ, thầy bạn, thọ dụng trước, rồi mình mới dùng. Nếu người dâng lên cúng Phật phải dùng hương hoa chuộc lại.

6. Giới Không Giáo Hóa hữu tình.

Kinh chép: Nếu Phật tử, nên có tâm đại bi cho đến không phát tâm giáo hóa chúng sinh thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích: Tất cả thánh đạo lấy âm thanh của người làm gốc, tuy có tánh ấy nhưng không giáo hóa thì không thành, cho nên phải giáo hóa. Hữu tình có trình độ thấp kém nếu không lãnh hội nổi thì âm thanh lọt vào lỗ chân lông, xa làm nhân duyên Bồ-đề, lời văn trong đây rất dễ hiểu. Nhưng Du-già chép: Dùng phương tiện khéo léo giáo hóa chúng sinh lược có sáu thứ:

1. Có năng lực giúp cho hữu tình chỉ cần chút ít gốc lành mà cảm được vô lượng quả. Là khuyên hữu tình bỏ chút ít của cải, cho đến dù chỉ một hạt gạo bố thí cho người nghèo hèn, nhẫn đến bố thí cho loài bàng sinh máy cựa, hồi hướng cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gốc lành bố thí như thế ruộng phước tuy ít nhưng do năng lực hồi hướng chiêu mà cảm được quả vô lượng, hai là giúp cho hữu tình nhờ chút ít công đức dẫn dắt gốc lành rộng lớn vô lượng. Tóm lại: là dựa vào tà pháp để nói chánh pháp, lại ở thế gian gieo trồng nhân duyên phước thọ là tùy hỷ khuyên người cũng như vậy. Lại nguyện chịu khổ thay cho hữu tình ở mười phương với ý ưa thích đánh lễ Phật, Pháp, Tăng, cho đến khi qua đời không luống uổng. Lại tất cả những trái phạm ở

quá khứ và hiện tại dùng ý thanh tịnh quán tưởng đối trước Chư Phật chí thành phát lồ sám hối cho đến kiếp vị lai, thường dùng chút ít công đức như thế, thì tất cả nghiệp chướng đều được giải thoát, như trọng ấy đã giảng rõ. Ba là ghét bỏ Thánh giáo, dứt hết sân nã, bốn là đối với hữu tình giúp họ hưởng về, năm là đã vào rồi thì giúp họ được thành thực, sáu là đã thành thực rồi thì được giải thoát, lần lượt phân tích bốn phần trước lại có sáu thứ phương tiện khéo léo, một là thuận theo hiểu thông phương tiện khéo léo, thuận theo ý muốn của hữu tình kia, sau đó dùng pháp giáo hóa. Lại đối với pháp sâu xa hiểu thông rồi giảng, hai là cùng lập phương tiện khéo léo kế hợp, nghĩa là thấy có hữu tình đến cầu thì dùng phương tiện khéo léo kế hợp mà dạy: nếu ông muốn tu pháp lành thì ta sẽ thuận theo giảng nói, lại cứu người bị khổ cũng như vậy, v.v... ba là khác phần ý, lập phương tiện khéo léo, giáo hóa người kia rồi mà họ chẳng làm theo, nên vì lợi ích lại phải thị hiện tức giận quở trách mà không bố thí cho họ, tạm thời buông bỏ, cuối cùng trở về chỗ an ổn, bốn là bắt buộc chỗ sinh phương tiện khéo léo, hoặc chủ nhà, hoặc Quốc vua được năng lực tăng thượng, buộc phải tu pháp lành, năm là phương tiện khéo léo thi ân báo ân, đối với hữu tình tùy năng lực ít nhiều bố thí làm ân huệ, hoặc cứu giúp ách nạn, kia muốn báo ân. Bấy giờ, Bồ-tát khuyên tu pháp lành để thọ ân báo ân, bảo rằng chớ đem của cải thế gian mà báo đáp, sáu là rốt ráo thanh tịnh phương tiện khéo léo, được rốt ráo tám tướng thành đạo, phương tiện như thế phải học.

7. Giới nói Pháp trái với nghi thức:

Kinh chép: Nếu Phật tử thường phải có lòng đại bi, phát tâm giáo hóa cho đến nói pháp không đúng pháp thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Kính người trọng pháp thì pháp lành cao quý mới sinh, nếu không như vậy thì sẽ sinh lại pháp ác. Quý nhân trong đây thường ngã mạn nên chỉ nêu về điều này. Nói người nghe ngồi thấp, vì sinh kính trọng. Như Nhiếp Luận chép: Nếu người có đủ giới tuy yếu kém hơn có khả năng nói lợi ích cho nhiều người, như Phật Thế tôn đáng được cúng dường, thọ pháp lành kia cũng nói tương tự. Lại kinh Niết-Bàn chép: Nếu có người biết pháp, hoặc già hoặc trẻ như tầng Trời thứ hai kính thờ Đấng-Thích.

8. Giới Lập Chế Phi Pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử, đều có lòng tin cho đến làm những tội phá Ba Bảo thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Nếu đối với người ác không cho xuất gia, không cần tạo tượng và buôn bán, v.v... theo lý lẽ ra không phạm, ngoài ra đều kết phạm.

9. Giới Phá Diệt Phạt Pháp.

Kinh chép: Nếu Phật tử do lòng tốt mà xuất gia cho đến nếu cố phá giới pháp thì phạm tội nhẹ cấu.

Giải thích : Nói là sai mà phá chỉ ở trong nội đạo, còn ngoại đạo thì chẳng được phép. Như Kinh Liên Hoa Diện chép: Phật bảo A-nan, Này A-nan! Thí như sư tử chết, hoặc trên hư không, hoặc ở dưới nước, hoặc trên đất liền, tất cả chúng sinh đều không dám ăn thịt sư tử, chỉ có giòi bọ trong thân sư tử ăn thịt sư tử. Này A Nan! Phạt pháp của ta, chẳng có ngoại đạo nào khác làm hư hoại được, trong pháp của ta, tất cả Phật pháp đã nhóm họp trong suốt ba đại a-tăng-kỳ kiếp chứa nhóm hạnh siêng năng khổ nhọc, mới bị các Tỳ-kheo phá hoại.

Kinh chép: Chín giới như vậy phải học, hết lòng kính trọng vâng giữ.

Giải thích: Ba môn giới nhẹ từ môn thứ ba trở xuống là môn Kết khuyên vâng giữ.

Kinh chép: bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni., cho đến phẩm Thất Hạnh.

Giải thích: Quyển đầu và quyển cuối, đầu tiên chia làm ba đoạn, đây là phần lưu thông thứ ba, ý văn này nói khi một Đức Thích-ca hành tác ý thì các Đức Thích-ca khác cũng như vậy, nên biết từ Ma-hê-Thủ-la, v.v... là nói Mười thế giới hải, v.v... như quyển đầu nói, Tâm Tạng, v.v... là truyện chép Tâm Tạng tức là Ba Hiền. Địa Tạng tức là địa vị Mười thánh. Giới Tạng là mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh. Vô lượng hạnh nguyện tạng là Ba Hiền. Mười Thánh đã có hạnh nguyện ở trên. Nhân là ba kiếp, quả v.v... là bốn trí là Phật tánh thường trụ thanh tịnh pháp giới. Từ đây trở xuống là tổng hết, lời văn rất dễ hiểu.

Kinh chép: Người nhẫn trí tuệ mạnh mẽ, cho đến mau được thành Phật đạo.

Kinh Phạm Võng cổ Tích Ký quyển hạ. (hết).

